

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 8 – 2022

*“Về việc: Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khánh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Luyến và bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị A, sinh năm: 1962; địa chỉ: xóm 4, thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn P, sinh năm: 1966; địa chỉ: xóm 4, thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị A và ông Lê Văn Phát tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tại xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận từ năm 1985 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà A, ông P chung sống hạnh phúc đến năm 1986 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng; ông P không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu rồi gây gổ, đánh đập bà A,

dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc; bà A cũng đã nhiều lần làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì thương con, muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nên bà A đã rút đơn khởi kiện, cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng tiếp tục chung sống với ông P; tuy nhiên ông P vẫn không thay đổi mà ngày càng uông rượu rồi gây gỗ, đánh đập bà A nhiều hơn. Hiện nay bà A không còn yêu thương ông P, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức nghiêm trọng, bà A không muốn tiếp tục chung sống với ông P nên bà A cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

*Về con chung:* Bà A, ông P có 03 người con chung tên Lê Tấn T, sinh năm 1988; Lê Tấn Đ, sinh năm 1990 và Lê Thị Thùy T1, sinh năm 1992. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Trần Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà A không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. *Thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022 (Bút lục số 37) có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Lê Tấn P trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Tấn P và bà Trần Thị A tự nguyện tìm hiểu rồi tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào khoảng năm 1984 - 1985 nhưng hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, không cung cấp được cho Tòa án. Ông P, bà A chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; do không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra gây gỗ, cãi nhau, ông P thường xuyên uống rượu rồi gây gỗ, chửi mắng bà A chứ không đánh đập bà A. Hiện nay hiện nay ông P, bà A đều đã lớn tuổi, đã có sui gia và có cháu nội, ngoại nên ông P không đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Ông P, bà A có 03 người con chung như bà A trình bày. Hiện các con đều đã thành niên, có gia đình riêng và có khả năng lao động nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông P không có yêu cầu gì trong vụ án.

[4]. *Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ghi ngày 17/5/2022, có phần xác nhận của UBND xã H.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương xã H về tình trạng hôn nhân của bà A, ông P và lập Biên bản xác minh ngày 23/6/2022.

[5]. *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:*

- *Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:* Đại diện viện kiểm sát đề nghị xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Lê Tấn P; bà Trần Thị A được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

#### *[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị A yêu cầu giải quyết ly hôn; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn ông Lê Tấn P có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *[3] Về nội dung vụ án:*

*[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị A, Hội đồng xét xử nhận định:*

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận trong Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ghi ngày 17/5/2022 mà nguyên đơn bà Trần Thị A đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn bà Trần Thị A; có đủ sơ sở xác định bà Trần Thị A và ông Lê Tấn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Áp dụng tinh thần theo quy định tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định và mục

1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp: Trường hợp bà Trần Thị A yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

Ngoài ra, bà Trần Thị A, ông Lê Tấn P đều thừa nhận quá trình chung sống đến năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông P thường xuyên uống rượu rồi gây gỗ, chửi mắng bà A dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2022 (Bút lục số 26), địa phương thôn 5 xã H cũng đã cung cấp thông tin: Quá trình chung sống, ông P và bà A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông P thường xuyên uống rượu rồi gây gỗ, cãi nhau với bà A. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà A, ông P đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy bà A yêu cầu giải quyết ly hôn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho bà A được ly hôn với ông P.

*[3.2] Về việc nuôi con:*

Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự; có đủ cơ sở xác định bà A, ông P có 03 người con chung tên Lê Tấn T, sinh năm 1988; Lê Tấn Đ, sinh năm 1990 và Lê Thị Thùy T1, sinh năm 1992. Các đương sự xác định 03 người con chung này đều đã thành niên, có gia đình riêng và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Do đó hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết.

*[3.3] Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

*[3.4] Về án phí:* Bà A, sinh ngày 01/01/1962, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, do đó thuộc người trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vì vậy cần căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Trần Thị A.

*[4] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận:* Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

**Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Lê Tấn P.

[2]. Về án phí: Bà Trần Thị A được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- UBND xã H (thay TB);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Văn Khánh**